TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2025/HC-PT
Ngày 17 tháng 9 năm 2025
V/v: *"Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biên pháp khắc phục hậu quả"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Trần Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Công Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 471/2025/TLPT-HC ngày 12/6/2025 về việc: *"Khiếu kiện quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 30/2025/HC-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1117/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Hoàng Thị Thu Đ, sinh năm 1972; Địa chỉ thường trú: Số C N, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là Đặc khu P, tỉnh An Giang), có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Lê Minh T1, sinh năm 1983; Địa chỉ liên hệ: Số A L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Văn Q của Công ty L4 và P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A), vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vườn Quốc gia P; Địa chỉ Xóm Mới, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (nay là Đặc khu P, An Giang), xin vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị Thu Đ - Là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu Đ và người được ủy quyền bà Trần Tuyết N trình bày: Nguyên vào năm 2000, bà Nguyễn Thị Ngọc L là mẹ ruột của bà Đ có khai khẩn diện tích đất 20.000m^2 đo đạc thực tế 19.578,8m^2 tại ấp Ô, Xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, trên đất có trồng Tràm Bông Vàng và một số cây ăn trái như đào, mít, gia đình bà L việc sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

Năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện P (viết tắt UBND huyện P) có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bà L có kê khai đo đạc để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình xác minh tại Biên bản xác minh nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 có sự tham gia của Công an khu vực ghi nhận nguồn gốc đất do bà L1 khai phá từ năm 2000, đất không thuộc Vườn Quốc gia, rừng phòng hộ và không có tranh chấp. Đến năm 2016, bà L1 tặng cho con là bà Hoàng Thị Thu Đ toàn bộ thửa đất nêu trên, trên đất có nhà tạm, đến năm 2017 bà Đ xây tường rào gạch block xung quanh ranh đất cao 1,6m x dài 308,8m. Năm 2022, bà Đ sửa chữa lại căn nhà cho tới nay.

Đến ngày 05/01/2024, UBND xã C phối hợp với Đội Quản lý bảo vệ rừng C2 thuộc Vườn Quốc gia P và các cơ quan chức năng khác tiến hành kiểm tra việc sử dụng đất của bà Đ và cho biết thửa đất bà Đ đang sử dụng do Vườn Quốc gia Phú Quốc quản lý và đã được cấp giấy CNQSD đất số BL 609243 ngày 06/03/2013 và lập Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 05/01/2024 đối với bà Đ về hành vi chiếm đất nông nghiệp là rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn. Tại thời điểm kiểm tra trên đất có nhà cấp 4, hàng rào xây bao quanh thửa đất, giếng khoan, ao nuôi cá và một số loại cây ăn trái khác dừa, mít, xoài, đào, sầu riêng, vú sữa..., cây trồng và vật kiến trúc do bà L và bà Đào tạo D từ lúc khai phá năm 2000 cho đến nay.

Ngày 23/4/2024, Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 946/QĐ-KPHQ về việc khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu trả lại đất và buộc nộp số tiền 86.272.024 đồng là số lợi bất hợp pháp.

Bà Hoàng Thị Thu Đ không đồng ý Quyết định số: 946/QĐ-KPHQ về việc khắc phục hậu quả vì phần đất sử dụng có nguồn gốc do gia đình tự khai khẩn vào năm 2000 sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp, trên đất có cây trồng, vật kiến trúc và đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào thời điểm năm 2013 khi UBND tỉnh K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vườn Quốc gia P thì bà Đ đang quản lý sử dụng đất. Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả mà không xem xét đến nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Đến ngày 04/7/2024 Chủ tịch

UBND tỉnh K ban hành quyết định số: 1961/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là không đúng quy định của pháp luật.

Do đó, bà Hoàng Thị Thu Đ khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết huỷ Quyết định số: 946/QĐ-KPHQ ngày 23/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu và trả lại đất và buộc nộp số tiền 86.272.024 đồng và Quyết định số: 1961/QĐ-CCXP ngày 04/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh K về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Tại Văn bản số 2835/UBND-NC ngày 24/12/2024 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K có ý kiến:

Qua xác minh thực tế về nguồn gốc diện tích 19.578,8m^2 đất bà Hoàng Thị Thu Đ sử dụng, trước năm 1993 đến năm 1998 là đất cây rừng tự nhiên chưa được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai giao cho cá nhân, tổ chức nào quản lý; đến năm 1998 UBND tỉnh thành lập Ban Q1 và rừng đặc dụng đồng thời giao và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Ban Q1 (theo Quyết định số: 2163/QĐ-UBND ngày 18/6/1998 v/v giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q1 để bảo vệ và phát triển rừng tại huyện P), đến năm 2013 Ban Quản lý rừng phòng hộ được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 609243 ngày 06/3/2013, hiện nay diện tích 19.578,8m^2 đất này do Vườn quốc gia P quản lý do nhập Ban Q1 và đổi tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua làm việc với những người xác nhận trong nội dung Biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 và giấy tặng cho thể hiện:

- Ông Huỳnh Văn T2 xác nhận năm 2016 ông có xác nhận việc bà L có cho tặng đất cho bà Đ còn về nguồn gốc thì ông không xác nhận, đất này nằm trong giấy chứng nhận của rừng phòng hộ P.

- Ông Châu Văn H có chữ ký trong biên bản xác nhận nguồn gốc đất trình bày: Biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 là không đúng thực tế, ông không biết bà Nguyễn Thị Ngọc L, chữ ký trong biên bản ghi tên tổ trưởng Châu Văn H không phải chữ ký của ông, theo ông được biết ông Châu Văn S không biết chữ nhưng trong biên bản có chữ ký của ông S là không đúng, biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 có dấu hiệu làm giả;

- Ông Nguyễn Thanh T3 có chữ ký trong biên bản xác nhận nguồn gốc đất trình bày: Biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 là không đúng thực tế, bà Nguyễn Thị Ngọc L không khai phá thửa đất nào ở tổ A, ấp Ô, xã C, chữ ký trong biên bản không phải chữ ký của ông, trong biên bản có chữ ký của ông Châu Van S1 là giả mạo vì ông S1 không biết chữ, toàn bộ khu đất bà Hoàng Thị Thu Đ sử dụng hiện nay nằm trong giấy chứng nhận của rừng phòng hộ;

- Ông Trịnh Việt C có ký trong biên bản xác nhận nguồn gốc đất trình bày: Ông khẳng định chữ ký trong biên bản ngày 14/12/2007 không phải là chữ ký của ông, chữ ký giả mạo, ông không biết biên bản ngày 14/12/2007;

- Ông Võ Quốc T4 có chữ ký trong biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 trình bày: Ông không biết bà Nguyễn Thị Ngọc L là ai, vị trí đất ông cũng không biết, bà L không có khai phá thửa đất nào tại ấp Ông L2, xã C, diện tích 19.578,8m^2 đất từ trước đến nay thuộc rừng phòng hộ quản lý, đến tháng 6 năm 2022 thì con bà L là Hoàng Thị Thu Đ vào chiếm đất cất nhà, đào ao và trồng cây thì bị Đội quản lý bảo vệ rừng lập biên bản xử lý;

- Ông Phạm Tất T5 có chữ ký trong biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 trình bày: Ông không biết bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà L không có canh tác thửa đất nào tại ấp Ông L2, xã C, đến năm 2022 bà Đ con bà L mới vào chiếm đất, đối với biên bản nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 là không đúng thực tế;

- Ông Châu Văn S có chữ ký trong biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 trình bày: Ông là người dân địa phương sinh sống tại ấp Ô từ năm 1965 đến nay cho nên tôi biết nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Ngọc L, trong biên bản ngày 14/12/2007 có chữ ký của ông là không đúng thực tế, chữ ký trong biên bản không phải của ông, phần diện tích đất 19.578,8m^2 là đất rừng phòng hộ bà L không có canh tác, sử dụng phần đất này, đến năm 2022 mới vào bao chiếm do con là Hoàng Thị Thu Đ vào chiếm cất nhà;

- Ông Phan Ngọc H1 và ông Nguyễn Thanh T3 là những người dân sống cố cựu và biết về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích 19.578,8m^2 cho biết bà Nguyễn Thị Ngọc L không có khai phá thửa đất nào tại ấp Ông L2, theo nội dung xác nhận nguồn gốc vào ngày 14/12/2007 là không đúng thực tế, làm giả chữ ký nhiều người, đến năm 2022 con bà L là bà Đ vào chiếm đất cất nhà và trồng cây.

Công chức Địa chính - Xây dựng thuộc UBND xã C tiến hành lập Biên bản số 01/BB-ĐĐ ngày 05/01/2024 về việc đo đạc hiện trạng khu đất theo chỉ dẫn ranh giới đo đạc của bà Hoàng Thị Thu Đ và lập Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 05/01/2024 về lĩnh vực đất đai, Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 47/BB-XM ngày 11/3/2024 để làm căn cứ Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 946/QĐ-KPHQ ngày 23/4/2024 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Hoàng Thị Thu Đ, do đã có hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 14 Nghị định số: 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là hoàn toàn có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Quyết định số: 946/QĐ-KPHQ ngày 23/4/2024 buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số: 1961/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Hoàng Thị Thu Đ là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh K đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thu Đ.

- Tại Văn bản sô 715/VQG-DLST&CHSV ngày 12 tháng 11 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vườn Quốc gia P trình bày:

Diện tích đất 19.578,8m^2 thuộc rừng phòng hộ theo Quyết định số: 2163/QĐ-UBND ngày 18/6/1998 của UBND tỉnh K, hiện nay diện tích đất này UBND tỉnh K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 609243 ngày 06/03/2013 cho Ban Q1

(nay là Vườn Quốc gia P) tại tiểu khu G địa giới hành chính ấp Ông L2, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Do đó đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 30/2025/HC-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, 158, 164, 193, 194 của Luật Tố tụng hành chính; các Điều 38, 58, 65, 74, 86, 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

Không chấp nhận cầu khởi kiện của Hoàng Thị Thu Đ yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 946/QĐ-KPHQ ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đối với bà Hoàng Thị Thu Đ;

- Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 1961/QĐ-CCXP ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đối với bà Hoàng Thị Thu Đ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 11/4/2025, người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu Đ có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu Đ giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án do bà Đ có bổ sung các chứng cứ mới chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét như: Theo xác nhận của những người làm chứng ngày 14/02/2007 về việc bà L mẹ bà Đ khai khẩn đất từ năm 2000; Bà L làm đơn đề nghị giao khoán đất lâm nghiệp được chính quyền địa phương xác nhận; tại Danh sách số: 28/DS-BQL ngày 09/3/2004 do Ban Q1 đề nghị giao khoán đất cho bà Nguyễn Thị Ngọc L được UBND huyện P phê duyệt ngày 22/3/2004; theo sơ đồ đo đạc 15 –Bản đồ địa chính đo đại trà năm 2007 có tên bà Nguyễn Thị Ngọc L đứng tên kê khai thửa 127.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến: Khi tiến hành giải quyết vụ án người khởi kiện bà Đ có yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ để xác định nguồn gốc đất do gia đình bà Đ đã sử dụng từ năm 2000 và có trồng nhiều keo có đường kính từ 30cm- 40cm nhưng không được Tòa án sơ thẩm chấp nhận; Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào biên bản xác minh những người làm chứng do

người bị kiện trình bày để xác định bà Đ vào lấn chiếm đất năm 2022 là không đúng sự thật vì: Ông Trần Việt C1 có cho bà L một phần đất để làm đường đi; bà Hồ Thị M đứng tên kê khai hộ bà bà L khi bà L đi vắng sau đó có điều chỉnh lại tên bà L, ông Phạm Tất T5 ông Châu Văn H có xác nhận việc bà L khai khẩn đất từ năm 2000; xung quanh đất của bà L có làm đường đất đổ đá chống lầy từ năm 2008. Năm 2023, có thể hiện một phần đất của bà L thuộc phần đất của ban Q1. Đến ngày 29/6/2022, có lập biên bản làm việc nhưng không lập biên bản vi phạm hành chính đến ngày 05/01/2024 UBND xã C lập biên bản vi phạm hành chính là không đúng quy định của pháp luật. Sau đó, Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 946/QĐ-KPHQ ngày 23 tháng 4 năm 2024 đối với bà Hoàng Thị Thu Đ và ngày 04/7/2024 ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 1961/QĐ-CCXP đối với bà Hoàng Thị Thu Đ là không đúng quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính. Do đó, đề nghị Tòa phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh K (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND tỉnh A) vắng mặt.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu Đ làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới mà chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung ngay được. Do đó, đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Thu Đ, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu Đ làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu Đ khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết hủy: Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 946/QĐ-KPHQ ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đối với bà Hoàng Thị Thu Đ; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 1961/QĐ-CCXP ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đối với bà Hoàng Thị Thu Đ.

Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 3, 30, 32, khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[3.1] Xét thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 946/QĐ-KPHQ ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 1961/QĐ-CCXP ngày 04 tháng 7 năm 2024 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 22 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; điểm đ khoản 3 Điều 38 và điểm a khoản 1 Điều 87 của Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020.

[3.2] Xét căn cứ ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

Ngày 29/6/2022 Đội quản lý bảo vệ rừng C2 lập biên bản làm việc số 330/BB-LV về việc kiểm tra sử dụng đất của bà Hoàng Thị Thu Đ tại tiểu khu G rừng phòng hộ địa giới hành chính ấp Ô, xã C, thành phố P. Tiến hành kiểm tra thực tế tổng diện tích 19.044,3m^2, trong đó có cất một căn nhà diện tícch 104,92m^2; một tường rào xây bằng gạch loc dài 306,3m, 22 trụ bê tông khung bằng sắt dài 70,3m, …cắm trụ dài bê tông kéo 03 đường dây kẽm gai, mỗi đường dài 334,1m các cây trồng gồm: .. mít, sầu riêng, vú sữa, cà na, dâu, tràm bông vàng, keo tai tượng…. 60 cây điều có đường kính gỗ từ 20cm đến 35cm cao từ 0,8m đến 7m, 400 cây dừa…

Ngày 05/01/2024, UBND xã C phối hợp với Đội Quản lý bảo vệ rừng C2 thuộc Vườn Quốc gia P và các cơ quan chức năng khác tiến hành kiểm tra việc sử dụng đất của bà Đ.

Cùng ngày 05/01/2024, UBND xã C lập Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC đối với bà Đ đã có hành vi vi phạm hành chính: *"Vào lúc 10 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại tiểu khu G rừng phòng hộ thuộc ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang phát hiện bà Hoàng Thị Thu Đ đã thực hiện hành vi chiếm đất nông nghiệp là rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn với diện tích 19.578,8 m^2 (Mười chín ngàn năm trăm bảy mươi tám phẩy tám mét vuông), trên diện tích có 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 74,0m^2 kết cấu mái lợp tol, tường xây, nền lót gạch; mái che lợp tol, cột sắt có diện tích 117,9m^2; 01 nhà tiền chế 10,1m khung kẽm, lợp tol; chuồng nuôi gà, vịt có diện tích 124,6m^2; hàng rào xây tường gạch xi măng cao 1,6m và dài 308,8m; 02 cây giếng khoan và đào 06 ao để nuôi cá với tổng diện tích*

4.317,1m^2; có các loại cây trồng gồm: Dừa, X, Đ, M1, Sầu riêng, Vũ sữa, Cà na, D1, T6 bông vàng, K tai tượng".

Ngày 11/3/2024, UBND xã C lập biên bản xác minh xác định bà Đ đã có hành vi vi phạm hành chính: Vào lúc 08 giờ 20 phút, ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại tiểu khu G rừng phòng hộ thuộc ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang phát hiện bà Hoàng Thị Thu Đ đã thực hiện hành vi chiếm đất nông nghiệp là rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn với diện tích 19.578,8m^2, trên diện tích có một căn nhà cấp 4 có diện tích 74,0m^2, kết cấu mái lợp tol, tường xây, nền lót gạch; mái che lợp tol, cột sắt diện tích 117,9m^2, một nhà tiền chế 10,1m^2 khung kẽm, lợp tol; chuồng nuôi gà, vịt có diện tích 124,6m^2; hàng rào xây tường gạch xi măng cao 1,6m và dài 308,8m; 02 cây giếng khoan và đào 06 ao để nuôi cá với tổng điện tích 4.317,1m^2; có các loại cây trồng gồm: Dừa, X, Đ, M1, Sầu riêng, Vũ sữa, Cà na, D1, T6 bông vàng, K tai tượng. Quy định tại: điểm e khoản 3 Điều 14 Nghị định số: 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 946/QĐ-KPHQ đối với bà Hoàng Thị Thu Đ buộc bà Đ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại diện tích 19.578,8m^2 đất đã chiếm tại tiểu khu G rừng phòng hộ địa giới hành chính ấp Ô, xã C, thành phố P và buộc nộp số tiền 86.272.024 đồng là số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

Đến ngày 04 tháng 7 năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số: 1961/QĐ-CCXP đối với bà Hoàng Thị Thu Đ.

[3.3] Bà Đ khởi kiện cho rằng Vào năm 2000, mẹ bà Đ là bà Nguyễn Thị Ngọc L khai khẩn một thửa đất có diện tích khoảng 20.000m^2 (đo đạc thực tế hiện nay là 19.578,8m^2) tại ấp Ô, xã C, thành phố P. Cùng thời điểm này, bà L có trồng Tràm bông vàng, một số loại cây ăn trái như: đào, mít,...trên phần đất trên và canh tác ổn định từ đó đến nay, không xảy ra tranh chấp với bất kì ai. Năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P) thực hiện chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, phần đất do bà L khai khẩn cũng thuộc diện được đo đạc, cấp giấy. Quá trình xác minh thể hiện tại Biên bản xác minh nguồn gốc ngày 14/12/2007 có sự tham gia của Công an khu vực (đại diện Ủy ban nhân dân xã) ghi nhận nguồn gốc đất trên do bà L khai phá từ năm 2000, đất không thuộc rừng quốc gia, rừng phòng hộ và không có tranh chấp. Mặt khác, bà L cũng đã làm thủ tục kê khai đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Đến năm 2016, bà L tặng cho bà Đ toàn bộ quyền sử dụng đất trên, thời điểm này trên đất có một căn nhà tạm. Đến khoảng năm 2017, bà Đ xây bờ tường bằng gạch block xung quanh ranh đất, bờ tường cao 1,6m x dài 308,8m. Năm 2022, bà Đ xây lại, sửa căn nhà tiền chế như hiện trạng trên đất do căn nhà cũ bị sập. Nhưng sau đó UBND xã C phối hợp với Đội Quản lý bảo vệ rừng C2 thuộc Vườn Quốc gia P và các cơ quan chức năng khác tiến hành kiểm tra việc sử dụng đất của bà Đ và lập Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC ngày 05/01/2024 đối với bà Đ về hành vi

chiếm đất nông nghiệp là rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn diện tích 19.578,8m^2 là không đúng.

Thời điểm kiểm tra, trên đất có một căn nhà cấp 4 có diện tích 74m^2 kết cấu mái lợp tole, tường xây nền lót gạch; mái che lợp tole, cột sắt có diện tích 117,9m^2; 01 nhà tiền chế 10,1m^2 khung kẽm, lợp tole; chuồng nuôi gà, vịt có diện tích 124,6m^2; hàng rào xây tường gạch xi măng cao 1,6m x dài 308,8m; 02 cây giếng khoan và 06 ao nuôi cá với tổng diện tích 4.317,7m^2 cùng một số loại cây trồng, gồm: Dừa, xoài, đào, mít, sầu riêng, vú sữa, cà na, dâu, tràm bông vàng, keo tai tượng,..

Còn người bị kiện thì có ý kiến: Qua xác minh thực tế về nguồn gốc diện tích 19.578,8m^2 đất bà Hoàng Thị Thu Đ sử dụng, trước năm 1993 đến năm 1998 là đất cây rừng tự nhiên chưa được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai giao cho cá nhân, tổ chức nào quản lý; đến năm 1998 UBND tỉnh thành lập Ban Q1 và rừng đặc dụng đồng thời giao và cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Ban Q1 (theo Quyết định số: 2163/QĐ-UBND ngày 18/6/1998 v/v giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban Q1 để bảo vệ và phát triển rừng tại huyện P), đến năm 2013 Ban Quản lý rừng phòng hộ được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 609243 ngày 06/3/2013, hiện nay diện tích 19.578,8m^2 đất này do Vườn quốc gia P quản lý do nhập Ban Q1 và đổi tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua làm việc với những người xác nhận trong nội dung Biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 và giấy tặng cho thể hiện: Ông Huỳnh Văn T2 khai xác nhận việc bà L có cho tặng đất cho bà Đ còn về nguồn gốc thì ông không xác nhận, đất này nằm trong giấy chứng nhận của rừng phòng hộ Q1; Ông Châu Văn H trình bày: Biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 là không đúng thực tế, ông không biết bà Nguyễn Thị Ngọc L, chữ ký trong biên bản ghi tên tổ trưởng Châu Văn H không phải chữ ký của ông, theo ông được biết ông Châu Văn S không biết chữ nhưng trong biên bản có chữ ký của ông S là không đúng, biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 có dấu hiệu làm giả; Ông Nguyễn Thanh T3 trình bày: Biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 là không đúng thực tế, bà Nguyễn Thị Ngọc L không khai phá thửa đất nào ở tổ A, ấp Ô, xã C, chữ ký trong biên bản không phải chữ ký của ông, trong biên bản có chữ ký của ông Châu Văn S là giả mạo vì ông S không biết chữ, toàn bộ khu đất bà Hoàng Thị Thu Đ sử dụng hiện nay nằm trong giấy chứng nhận của rừng phòng hộ; Ông Trịnh Việt C khẳng định chữ ký trong biên bản ngày 14/12/2007 không phải là chữ ký của ông, chữ ký giả mạo, ông không biết biên bản ngày 14/12/2007; Ông Võ Quốc T4 có chữ ký trong biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 trình bày: Ông không biết bà Nguyễn Thị Ngọc L là ai, vị trí đất ông cũng không biết, bà L không có khai phá thửa đất nào tại ấp Ông L2, xã C, diện tích 19.578,8m^2 đất từ trước đến nay thuộc rừng phòng hộ quản lý, đến tháng 6 năm 2022 thì con bà L là Hoàng Thị Thu Đ vào chiếm đất cất nhà, đào ao và trồng cây thì bị Đội quản lý bảo vệ rừng lập biên bản xử lý; Ông Phạm Tất T5 có chữ ký trong biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 trình bày: Ông không biết bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà L không có canh tác thửa đất nào tại ấp Ông L2, xã C, đến năm 2022 bà Đ con bà L mới vào chiếm đất, đối với biên bản nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 là không đúng thực tế; Ông Châu Văn S có chữ ký trong biên bản xác nhận nguồn gốc đất ngày 14/12/2007 trình bày: Ông là người dân địa phương

sinh sống tại ấp Ô từ năm 1965 đến nay cho nên ông biết nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Ngọc L, trong biên bản ngày 14/12/2007 có chữ ký của ông là không đúng thực tế, chữ ký trong biên bản không phải của ông, phần diện tích đất 19.578,8m^2 là đất rừng phòng hộ bà L không có canh tác, sử dụng phần đất này, đến năm 2022 mới vào bao chiếm do con là Hoàng Thị Thu Đ vào chiếm cất nhà; Ông Phan Ngọc H1 và ông Nguyễn Thanh T3 là những người dân sống cố cựu và biết về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích 19.578,8m^2 cho biết bà Nguyễn Thị Ngọc L không có khai phá thửa đất nào tại ấp Ông L2, theo nội dung xác nhận nguồn gốc vào ngày 14/12/2007 là không đúng thực tế, làm giả chữ ký nhiều người, đến năm 2022 con bà L là bà Đ vào chiếm đất cất nhà và trồng cây.

Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thu Đ. Bà Đ kháng cáo cho rằng Bản án sơ thẩm chưa xem xét toàn diện khách quan vụ án làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Đ.

[4] Xét kháng cáo của người khởi kiện Hoàng Thị Thu Đ, nhận thấy:

Người bị kiện căn cứ vào biên bản làm việc số 330/BB-LV ngày 29/6/2022 của Đội quản lý bảo vệ rừng C2 về việc kiểm tra sử dụng đất của bà Hoàng Thị Thu Đ tại tiểu khu G rừng phòng hộ địa giới hành chính ấp Ô, xã C, thành phố P; Biên bản làm việc ngày 05/01/2024 UBND xã C phối hợp với Đội Quản lý bảo vệ rừng C2 thuộc Vườn Quốc gia P và các cơ quan chức năng khác tiến hành kiểm tra việc sử dụng đất của bà Đ; Biên bản vi phạm hành chính số 03/BB-VPHC cùng ngày 05/01/2024 do UBND xã C lập đối với bà Đ; biên bản xác minh và các biên bản lấy lời khai người làm chứng ông T3, ông H2, ông T5, ông S để xác định bà Đ có hành vi vi phạm hành chính "Chiếm đất nông nghiệp là rừng phòng hộ tại khu vực nông thôn với diện tích 19.578,8m^2" từ năm 2022 để ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Hoàng Thị Thu Đ.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, người bị kiện giao nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến việc ban hành quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả như: Biên bản vi phạm hành chính, biên bản xác minh và biên bản ghi lời khai người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đều là tài liệu phô tô không được sao y bản chính. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ mà người bị kiện giao nộp; chưa xác nhận người làm chứng và lấy lời khai người làm chứng; chưa yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu có liên quan đến việc giải quyết vụ án và không xem xét thẩm định tại chỗ để làm rõ nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất và trồng cây trên đất của gia đình bà Đ. Nhưng Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ là chưa đủ căn cứ**.**

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu Đ có cung cấp các chứng cứ, tài liệu như lời xác nhận của những người làm chứng ông Trịnh Việt C, Hồ Thị M, Châu Văn H, Phạm Tấn T7, Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Văn L3 xác nhận bà Nguyễn Thị Ngọc L (mẹ của bà Đ) có khai khẩn đất từ năm 2000; Đơn đề nghị giao khoán đất lâm nghiệp của bà L lập ngày 25/6/2003 được chính quyền địa phương xác nhận cùng ngày 25/6/2003; Danh sách

số: 28/DS-BQL ngày 09/3/2004 do Ban Q1 đề nghị giao khoán đất lâm nghiệp có tên bà Nguyễn Thị Ngọc L được UBND huyện P phê duyệt ngày 22/3/2004; sơ đồ đo đạc 15–Bản đồ địa chính đo đại trà năm 2007 có tên bà Nguyễn Thị Ngọc L đứng tên kê khai thửa 127. Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện khai những tài liệu trên hiện do UBND đặc khu P đang lưu giữ. Xét thấy những tài liệu, chứng cứ cần được xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ mới có đủ căn cứ giải quyết vụ án.

Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu Đ có cung cấp các chứng cứ, tài liệu chứng cứ mới mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung ngay được. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án hành chính sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Xét ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

Quan điểm của Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Huỷ bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Thu Đ kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 3 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu Đ.

2. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số: 30/2025/HC-ST ngày 31/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang). Chuyển hồ sơ cho Tòa án tỉnh An Giang để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Thu Đ không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Hoàng Thị Thu Đ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0015091 ngày 25/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA